

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **339/2023/HS-ST**

Ngày: 10-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường 6 – trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 163/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 379/2023/HSST-QĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 370/2023/TB-TA ngày 22/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 544/2023/HSST-QĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với:

- Bị cáo: Âu Thị H (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh năm 1966 tại Gia Lai. Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: Lớp 03/12 ; Nghề nghiệp: Nội trợ. Họ và tên cha: Âu Văn N1 (đã chết). Họ và tên mẹ: Hoàng Thị T1 (đã chết). Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Họ và tên chồng: Nguyễn Văn N2 (đã chết); Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 09/01/2021 và chuyển tạm giam đến ngày 30/3/2021 được thay thế biện pháp cho gia đình bảo lãnh (theo Quyết định số 2485/QĐ-VKS-P2 ngày 30/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 2683/QĐ-VKSBH ngày 07/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa). Đến ngày 06/01/2023 hết thời hạn bảo lãnh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hà Thị N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: tổ T, khu phố B, thị trấn T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung sự việc của vụ án:

Do cần có tiền để trả nợ cho người khác, Âu Thị H nảy sinh ý định tìm cách sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là sổ đỏ) giả để đem đi thế chấp cho người khác vay tiền trả nợ. Thực hiện ý định, khoảng giữa năm 2020, H lên mạng xã hội Facebook tìm 01 người (không rõ nhân thân lai lịch) tại thành phố Hồ Chí Minh đặt vấn đề làm cho H 01 sổ đỏ giả với giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Thông tin trên giấy là thửa đất số 252, tờ bản đồ số 16, diện tích 2445m² tọa lạc tại xã Đ, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai (Thửa đất này trước đây thuộc quyền sử dụng của H, vào ngày 13/01/2020, H đã chuyển nhượng lại cho bà Bùi Thị Th). Sau đó, người làm giả sổ đỏ đã gửi sổ qua đường bưu điện cho H nhận và H thanh toán tiền cho “shipper”.

Đầu tháng 01/2021, H nhờ Bùi Thị T tìm người để thế chấp sổ đỏ giả nêu trên vay số tiền 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), H thỏa thuận nếu vay được tiền thì sẽ cho T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) thì T đồng ý (lúc này H chưa nói cho T biết đây là sổ giả).

Đến ngày 07/01/2021, T gặp bà Hà Thị N, sinh năm 1969, trú tại khu phố T, phường A, thành phố B (là người quen biết với T) hỏi tìm người nhận thế chấp sổ đỏ trên của một người bạn của T (T không nói người đó là H cho bà N biết) để vay số tiền 1.400.000.000 đồng, thì bà N nói cứ gửi giấy tờ đất cho bà N xem trước. Đến ngày 08/01/2021, T trao đổi lại với H là có bà N nhận thế chấp sổ đỏ để vay tiền nên H đã phô tô sổ đỏ giả giao cho T. Sau đó, T chụp hình sổ đỏ giả gửi cho bà N qua tài khoản zalo để xem trước (lúc này T vẫn chưa biết sổ đỏ mà H đưa là sổ giả) thì bà N nói ngày mai dẫn người của bà N đi xem đất và

xem sổ đỏ gốc. Đến tối cùng ngày, H gọi cho T và hỏi T bên bà N có đồng ý nhận thế chấp không, T trả lời rằng bà N hẹn ngày mai cho người xuống xem đất và sổ đỏ gốc như thế nào rồi mới quyết định. Lúc này, H hỏi T thêm là bà N có xem kỹ sổ tờ bản đồ và sổ thửa đất không. T hỏi lý do tại sao H lại hỏi vậy thì H thừa nhận với T rằng sổ đỏ mà H nhờ T tìm người nhận thế chấp là sổ đỏ giả được H đặt mua trên mạng (sổ đỏ này lấy thông tin của chính thửa đất mà H và T đã cùng nhau chung tiền mua nhưng đã chuyển quyền sử dụng đất cho người khác trước đó). Mặc dù T biết đây là sổ đỏ giả nhưng vẫn che giấu bà N và vẫn tiếp tục giúp sức cho H thế chấp sổ đỏ giả cho bà N để vay tiền.

Khoảng 13 giờ 00 ngày 09/01/2021, bà N nhờ cháu gái là Nguyễn Thị Thanh Th1 (sinh năm 1999, trú tại khu phố B, phường A, thành phố B) gọi cho T để hẹn gặp T dẫn đi xem thực địa thửa đất và sổ đỏ gốc trước khi quyết định nhận thế chấp sổ đỏ để cho vay tiền. Đến 14 giờ cùng ngày, T dẫn Th1 và Hồ Thị Thuỳ Tr (sinh năm 1997, trú tại xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) cùng đến gặp H rồi tất cả cùng nhau đến xem thửa đất số 252, tờ bản đồ số 16, diện tích 2445m² tại xã Đ, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, Th1 chụp hình sổ đỏ gốc và gửi qua zalo cho bà N xem.

Đến khoảng 14 giờ 50 phút cùng ngày, bà N đến gặp chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1995, trú tại ấp A, xã B, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai (là nhân viên văn phòng đăng ký đất đai huyện Tr) để nhờ xem sổ đỏ photo (được N in ra từ zalo do T cũng như Phương A gửi cho bà N trước đó) có phải sổ thật hay không. Sau khi xem, chị Phương A nói với bà N “đây là sổ giả, cô đi báo Công an đi”. Sau khi nghe chị Phương A thông tin thì bà N rời khỏi nhà chị Phương A.

Đồng thời, vào khoảng hơn 15 giờ cùng ngày, sau khi xem đất xong, Th1 và Tr đưa H và T đến cơ sở phế liệu do anh Phan Quang T2 làm chủ thuộc tổ S, khu phố B, phường A, thành phố B. Sau đó, Th1, Tr và H vào nhà kho trên còn T bỏ ra ngoài nghe điện thoại. Tại đây, Tr đã gọi cho bà N và thống nhất sẽ cho H và T thế chấp sổ đỏ vay số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Đối với bà Hà Thị N, sau khi đã biết T sử dụng sổ đỏ giả để thế chấp vay tiền mình nên bà N đã tìm cách tìm ra chứng cứ để tố cáo với Cơ quan Công an bắt quả tang. Tiếp đó, bà N điện thoại liên lạc nhờ anh Nguyễn Ngọc H, (sinh năm 1972, trú tại tổ H, khu phố B, phường T, thành phố B) mang giúp số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) của bà N đến gặp Th1 và Tr để giao tiền cho T và H, sau đó bà N sẽ tới sau. Đến khoảng 15 giờ 30 phút, bà N đến gặp anh H tại khu vực cách cơ sở phế liệu nêu trên khoảng 100m, bà N đưa

cho anh H số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) được bỏ trong túi và nói với anh H “Có người muốn lừa tiền chị, nhờ em mang túi tiền này vào đưa cho Tr”. Anh H đồng ý nên cầm túi tiền chạy xe vào nhà kho nêu trên và đưa túi tiền cho Tr. Lúc này, H viết giấy mượn tiền, các bên ký vào giấy mượn tiền xong thì H đưa sổ đỏ giả cho Th1 còn Th1 đưa cho H số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) rồi Th1 nói H ngồi chờ người của bà N tiếp tục mang số tiền 650.000.000 đồng còn lại đến.

Khoảng hơn 16 giờ cùng ngày thì bà N đến gặp T và biết người thế chấp sổ đỏ giả vay tiền của mình là Âu Thị H. Do trước đó giữa con gái H và bà N đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất nên H năn nỉ bà N đừng báo Công an thì sẽ gọi con gái đến để giải quyết tranh chấp với bà N. Tuy nhiên, khi tất cả cùng ngồi đợi đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày vẫn không thấy con gái H đến nên bà N báo Thuý trình báo sự việc đến Công an phường An Hoà để tiếp nhận, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H. Riêng T ở ngoài cho đến khi thấy bà N đến thì lo sợ H đã bị phát hiện nên bỏ đi khỏi hiện trường.

(Biên bản bắt người phạm tội quả tang bút lục số: 03-04; Lời khai bà Hà Thị N, bút lục số 78-87, 208-211; Lời khai chị Nguyễn Thị Thanh Th1, bút lục số 88-89, 212-215; Lời khai chị Hồ Thị Thuý Tr, bút lục số 90, 223; Lời khai bị cáo Âu Thị H, bút lục số 103-119; Lời khai bị cáo Bùi Thị T, bút lục số 125-138; Lời khai người làm chứng Nguyễn Thị Phương A, bút lục số 216-219; Lời khai người làm chứng Nguyễn Ngọc H, bút lục số 220-222).

Tại Cơ quan điều tra Âu Thị H và Bùi Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

2. Về giám định:

- Tại bản Kết luận giám định số 117/KLGD-PC09 ngày 18/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) là giả (Bút lục số 64).

- Tại bản Kết luận giám định số 2520/KLGD-PC09 ngày 18/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

1. Chữ ký và chữ viết mang tên Âu Thị H trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (Giấy mượn tiền đứng tên Âu Thị H, đề ngày 09/01/2021) so với chữ ký và chữ viết mang tên Âu Thị H trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (01 bản tự khai mang tên Âu Thị H) do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ viết (trừ phần chữ viết được đóng khung bằng mực màu đỏ) trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (Giấy mượn tiền đứng tên Âu Thị H, đề ngày 09/01/2021) so với chữ viết trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (01 bản tự khai mang tên Âu Thị H) do cùng một người viết ra (Bút lục số 195).

3. Vật chứng của vụ án:

+ 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus của Âu Thị H;

+ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT7xxxx3 đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 16, diện tích 2445m² tọa lạc tại xã Đ, huyện Tr, Đồng Nai (Lưu giữ tại hồ sơ bút lục số: 62-63);

+ Số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã trả lại cho bà Hà Thị N. (Bút lục số 75);

+ 01 usb màu đen bên trong chứa 08 video liên quan đến vụ việc;

+ 01 giấy mượn tiền do Âu Thị H viết, đề ngày 09/01/2021 (lưu giữ tại hồ sơ bút lục số 70).

4. Truy tố:

- Tại Cáo trạng số: 32/CT-VKSBH ngày 06/01/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Âu Thị H về tội: “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, theo điểm c khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu luận tội xác định: nội dung truy tố của Cáo trạng số 32/CT-VKSBH ngày 06/01/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Âu Thị H về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, đối với điểm và khoản của Điều luật mà Cáo trạng đã nêu, sau khi xét hỏi đối với bị cáo H và làm rõ thêm các tình tiết, chứng cứ tại phiên tòa, xác định số tiền 650.000.000 đồng mà bị cáo nhận của bà Hà Thị N không phải là tiền thu lợi bất chính. Do đó, căn cứ Điều 319 Bộ luật tố tụng hình sự, Kiểm sát viên kết luận bị cáo Âu Thị H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Âu Thị H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 341 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Âu Thị H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Hình phạt bổ sung: không.

Xử lý vật chứng và buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

5. Ý kiến của bị cáo:

- Bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả; không có ý kiến đối với Bản kết luận giám định. Tuy nhiên, bị cáo xác định không giao dịch với bà N, không thu lợi số tiền 650.000.000 đồng từ bà N, số tiền này là bị cáo viết giấy vay tiền với chị Th1 và đưa sổ đỏ cho chị Th1 làm tin để chị Th1 cho vay. Bà N biết được sổ này là giả từ trước khi bị cáo và chị Th1 viết giấy vay tiền nhưng vẫn đưa tiền cho chị Th1 đưa cho bị cáo.

- Lời nói sau cùng: bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa bản thân, làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quyền của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được đảm bảo; bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy, lời khai của bà N đã được trình bày trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án nên việc người

liên quan vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng giữa năm 2020, Âu Thị H đã tìm mua 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 16, diện tích 2445m² tọa lạc tại xã Đ, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

Vào ngày 09/01/2021, Âu Thị Hằng và Bùi Thị T sử dụng sổ đỏ giả trên thế chấp cho chị Nguyễn Thị Thanh Th1 để vay số tiền 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng). Tiền cho vay là của bà Hà Thị N, bà N giao cho chị Nguyễn Thị Thanh Th1 đứng ra giao dịch. Quá trình kiểm tra thông tin bà N phát hiện sổ đỏ giả nên đã trình báo Cơ quan Công an. Khi H và chị Th1 làm xong giấy vay tiền, Th1 giao cho H số tiền 650.000.000 đồng thì bị Cơ quan Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính, gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý hành chính của bộ máy Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Âu Thị H đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét thấy, trước khi chuyển giao tài sản, người cho vay đã biết được bị cáo sử dụng giấy tờ giả nên trình báo với cơ quan chức năng nên việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không khởi tố đối với H và T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cáo trạng cũng nhận định hành vi của H và T không cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Vì vậy, số tiền 650.000.000 đồng không phải là tiền thu lợi bất chính từ hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.

Trong vụ án này chủ thể bị xâm phạm là trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Việc Âu Thị H và Bùi Thị T đưa ra thông tin gian dối (sổ đỏ giả) nhằm mục đích tạo lòng tin để vay tiền của chị Nguyễn Thị Thanh Th1 (Bà Hà Thị N cho cháu gái là chị Nguyễn Thị Thanh Th1 đứng ra giao dịch và cho vay,

giấy vay tiền người vay là Âu Thị H, người cho vay là Nguyễn Thanh Th1 - bút lục 70). Về mặt ý thức, bà N đã biết sổ đỏ của H là sổ giả nhưng vẫn quyết định giao số tiền 650.000.000 đồng cho Th1 để đưa cho H đồng thời báo cơ quan Công an. Số tiền 650.000.000 đồng này bị Công an phường An Hòa bắt quả tang, thu giữ ngày 09/01/2021 (bút lục 65), Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà N ngày 20/01/2021 (Bút lục 75).

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định số tiền 650.000.000 đồng là vật chứng trong vụ án đã được trao trả lại cho chủ sở hữu, không phải là tiền thu lợi bất chính.

Như vậy, bản Cáo trạng số 32/CT-VKSBH ngày 06/01/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Âu Thị H về tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tại phiên tòa kiểm sát viên kết luận hành vi của Âu Thị H đã phạm vào tội “ Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng ; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện bị cáo đang là người trực tiếp nuôi con ăn học, chồng bị cáo đã chết, gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đánh giá vai trò của bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó H là người cầm đầu, rủ rê T và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. T là người thực hiện hành vi phạm tội.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo mới học hết lớp 03 nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, gia đình có hoàn cảnh khó khăn (chồng chết, đang nuôi con ăn học), là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội và trong thời gian tại ngoại chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước, sau khi phạm tội đã có thái độ thành khẩn khai báo, tích cực phối hợp với cơ quan điều tra, thể hiện sự ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp

dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Các vấn đề khác:

- Đối với bị cáo Bùi Thị T đã có hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tuy nhiên, trong giai đoạn truy tố, bị cáo T bỏ trốn mà không biết rõ bị cáo đang ở đâu nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà đã yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà truy nã, tạm đình chỉ vụ án đối với bị cáo và tách vụ án, khi nào bắt được xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

- Đối với hành vi đưa ra thông tin gian dối (sổ đỏ giả) của Âu Thị H và Bùi Thị T nhằm mục đích để tạo lòng tin vay tiền của bà Hà Thị N, do bà N đã biết sổ đỏ của H là sổ giả trước khi giao tiền cho H nên hành vi của H và T không cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không khởi tố đối với H và T về tội danh trên là có căn cứ.

- Đối với người (chưa rõ lai lịch) có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức để bán cho H sử dụng, do có dấu hiệu tội phạm “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Điều 341 Bộ luật hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định tách hành vi, tài liệu và ra quyết định khởi tố vụ án theo tội danh trên để tiếp tục điều tra là phù hợp.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Trả lại cho Âu Thị H 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus do không liên quan đến vụ án.

+ Lưu hồ sơ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT749733 đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 16, diện tích 2445m² tọa lạc tại xã Đông Hòa, Trảng Bom, Đồng Nai; 01 usb màu đen bên trong chứa 08 video liên quan đến vụ việc và 01 giấy mượn tiền do Âu Thị H viết, đề ngày 09/01/2021.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Âu Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa kiểm sát viên kết luận về tội danh và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 292, Điều 106, các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Âu Thị H phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt Âu Thị H 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Giao bị cáo Âu Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí.

3. Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho Âu Thị H 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus (số Imei: 355843081233235) do không liên quan đến vụ án.

(Vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa).

+ Lưu hồ sơ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT7xxxx3 đối với thửa đất số 252, tờ bản đồ số 16, diện tích 2445m² tọa lạc tại xã Đ, huyện Tr, Đồng Nai; 01 usb màu đen bên trong chứa 08 video liên quan đến vụ việc và 01 giấy mượn tiền do Âu Thị H viết, đề ngày 09/01/2021.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Âu Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phú